

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2022/HS-ST

Ngày 17 - 11 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 129/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2022/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T, sinh năm 1986 tại Hà Nam; tên gọi khác: không; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân Đ (đã chết) và bà Lại Thị B, sinh năm 1962; vợ: Bùi Thị N, sinh năm 1991, con: có 03 con lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án: Ngày 02/7/2014 Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xử phạt 45 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (chưa chấp hành việc bồi thường trách nhiệm dân sự); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20/3/2013 Công an thành phố Phủ Lý xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ về hành vi “Trực tiếp xâm hại sức khỏe của người khác”, ngày 26/10/2006 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/7/2022, chuyển tạm giam từ ngày 28/7/2022 đến nay; có mặt.

2. Hoàng Văn C, sinh năm 1995 tại Hà Nam; tên gọi khác: không; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C1 (đã chết) và bà Trương Thị H, sinh năm 1965; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/7/2022, chuyển tạm giam từ ngày 28/7/2022 đến nay; có mặt.

3. Ngô Đức T1, sinh năm 1976 tại Hà Nam; tên gọi khác: không; nơi ĐKNKTT: Tổ 9, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: Tổ 5, phường L,

thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Công chức; là Đảng viên (ngày 08/11/2022 Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khởi các cơ quan tỉnh đã có Quyết định thi hành kỷ luật số 13-QĐ/UBKTĐUK đối với Ngô Đức T hình thức khai trừ); trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Ngô Đức H và bà Giáp Thị N; vợ: Nguyễn Kim L (đã ly hôn), con: có 02 con lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/7/2022, chuyển tạm giam từ ngày 27/7/2022 đến nay; có mặt

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Bùi Thị N, sinh năm 1991. Trú tại: Tổ dân phố B, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Anh Nguyễn Chí Đ, sinh năm 1998. Nơi ĐKNKTT: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Phố N, phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

3. Anh Ngô Hồng S, sinh năm 1986. Trú tại: Tổ 6, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

* Người làm chứng:

1. Ông Trần Xuân K, sinh năm 1965; vắng mặt.

2. Anh Phạm Văn V, sinh năm 1982; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 18/7/2022, Ngô Đức T1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36K5-344.37 đi từ Công ty Cổ phần lương thực tỉnh Hà Nam đến gặp Hoàng Văn C ở nhà của Trần Văn T tại tổ dân phố B, phường T, thành phố P để tìm mua ma túy sử dụng. Khi đến nơi, T1 dùng điện thoại số thuê bao 0917322811 gọi qua ứng dụng Zalo cho hỏi mua ma túy nhưng nợ tiền mai trả. Khi đó C đang ngồi cùng với T, T đồng ý bán chịu với số tiền 300.000 đồng rồi lấy bốn viên nén hình tròn màu đỏ để ở khe hành lang tầng hai gần vị trí T đang ngồi và gói vào trong một mảnh giấy bạc màu trắng đưa cho C. C cầm gói giấy bạc màu trắng mà T đưa,,xuống cổng giao cho T1. T1 biết là gói ma túy nên dùng tay trái cầm gói ma túy mà không mở ra kiểm tra. Đúng lúc đó thì bị tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Phủ Lý và Công an phường T phát hiện, yêu cầu kiểm tra. T1 tự giác giao nộp cho lực lượng Công an gói giấy bạc màu trắng, bên trong chứa 04 viên nén hình tròn màu đỏ. Tại chỗ T1 khai nhận là ma túy ngựa mục đích cất giữ để sử dụng. Lực lượng Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang theo quy định của pháp luật.

Vật chứng, tài sản thu giữ gồm: 01 gói giấy bạc màu trắng bên trong có 04 viên nén hình tròn màu đỏ được niêm phong trong phong bì ký hiệu QT01; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng được niêm phong trong phong

bì ký hiệu QT02; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 36K5-344.37.

Ngày 18/7/2022 Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý đã thi hành lệnh khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Trần Văn T tại tổ dân phố B, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Quá trình khám xét thu giữ: 01 căn cước công dân số 035086002558 mang tên Trần Văn T và các đồ vật, tài sản của Trần Văn T gồm: 01 túi nilon màu trắng có kẹp nhựa viền màu trắng niêm phong trong phong bì ký hiệu KX01; 01 cân tiểu ly điện tử; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ nhựa màu đen không có thẻ sim niêm phong trong phong bì ký hiệu KX02; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng được niêm phong trong phong bì ký hiệu KX04; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu KX05; thu giữ của Hoàng Văn C: 01 căn cước công dân số 0350950002544 mang tên Hoàng Văn C; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng được niêm phong trong phong bì ký hiệu KX03 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi thu giữ của chị Bùi Thị N được niêm phong trong phong bì ký hiệu KX06.

Ngày 19/7/2022 Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp số 77/LKX đối với chỗ ở của Ngô Đức T1 tại tổ 5, phường L thành phố P, tỉnh Hà Nam; Lệnh khám xét khẩn cấp số 78/LKX đối với nơi ở của Hoàng Văn C tại thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Quá trình khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Tại bản kết luận giám định số 364/KL-KTHS ngày 25/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam kết luận “Mẫu viên nén trong phong bì ký hiệu QT01 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,413g, loại Methamphetamine. 01 (một) túi nilon màu trắng trong phong bì ký hiệu KX01 gửi giám định có bám dính ma túy, loại Methamphetamine”.

Tại bản cáo trạng số 136/CT-VKS-PL ngày 14/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã truy tố Trần Văn T, Hoàng Văn C cùng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Ngô Đức T1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo theo nội dung bản cáo trạng, không thay đổi, nhưng bổ sung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự do gia đình bị cáo Trần Văn T bổ sung tại phiên tòa. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Trần Văn T, Hoàng Văn C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Ngô Đức T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 (đối với T), Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 35, Điều 38 Bộ

luật Hình sự xử phạt Trần Văn T từ 48 đến 54 tháng tù; xử phạt Hoàng Văn C từ 36 đến 42 tháng tù. Đề nghị phạt tiền bổ sung đối với bị cáo T, C từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm c khoản 1 khoản 5 Điều 249, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ngô Đức T1 từ 15 đến 18 tháng tù. Đề nghị phạt tiền bổ sung đối với bị cáo T1 từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả sau giám định cùng bao gói, 01 cân tiểu li điện tử, 01 túi nilon màu trắng có kẹp nhựa viền màu trắng bên trong túi nilon bám dính chất bột hoàn trả sau giám định. Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng thu giữ của Ngô Đức T1 và 01 điện thoại di động thu giữ của Hoàng Văn C. Trả lại Hoàng Văn C 01 căn cước công dân số 0350950002544 mang tên Hoàng Văn C Trả lại cho bị cáo Trần Văn T: 01 căn cước công dân số 035086002558 mang tên Trần Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ nhựa màu đen không có thẻ sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng. Trả lại chị Bùi Thị N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi. Giao cho cơ quan thi hành án phạt tù tạm giữ căn cước công dân của các bị cáo T, C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Luật Căn cước công dân.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cơ bản như bản cáo trạng đã mô tả, không tranh luận, bào chữa và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất để bị cáo sớm có cơ hội trở về với gia đình và xã hội.

Chị Bùi Thị N khai chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi bị thu giữ là tài sản của chị, không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo Thắng, nay chị xin lại để sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, các chứng cứ thu thập trong hồ sơ là hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy

định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ và công bố tài liệu trong hồ sơ vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về tội danh: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã nêu. Lời khai của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ, niêm phong vật chứng, bản kết luận giám định, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ chứng cứ buộc tội kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 18/7/2022, tại tổ dân phố B, phường T, thành phố P, Trần Văn T và Hoàng Văn C đã bán trái phép cho Ngô Đức T1: 0,412 gam ma túy loại Methamphetamine với giá 300.000đ (nhưng cho T1 nợ tiền), khi T1 đang cất giữ trái phép ma túy mục đích để sử dụng thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang. Hành vi của bị cáo Trần Văn T, Hoàng Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; hành vi của Ngô Đức T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

[4] Vai trò của các bị cáo trong đồng phạm:

Trong vụ án này Trần Văn T là người mua, cất giấu và cung cấp ma túy để bán trái phép, C là người liên lạc, trao đổi và trực tiếp giao ma túy cho người mua nên T và C là đồng phạm với vai trò ngang nhau, đều là người thực hành trong tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. T1 chịu trách nhiệm độc lập về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo Hoàng Văn C và Ngô Đức T1 iên có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Trần Văn T có nhân thân xấu, có 02 tiền án, trong đó có 01 tiền án về tội “Cố ý gây thương tích” chưa được xóa, có 01 lần bị xử phạt hành chính về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác” (đã được xóa tiền sự) nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật, khó cải tạo bản thân.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo C có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự; bị cáo T có bà nội tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, hạng nhì; bị cáo T1 có bố đẻ được tặng thưởng huân chương kháng chiến nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T1 có nhiều thành tích trong công tác được tặng thưởng nhiều giấy khen, bằng khen nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T1, C không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo T phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt chính, hình phạt bổ sung:

Hình phạt chính: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm lớn cho xã hội đều thực hiện với lỗi cố ý, đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Hành vi của các bị cáo còn làm gia tăng các tệ nạn xã hội và là nguyên nhân phát sinh các tội phạm nguy hiểm khác trong cộng đồng, làm xã hội mất ổn định. Cần nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò của các bị cáo trong đồng phạm cần tuyên mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà từng bị cáo thực hiện, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục đối với chính các bị cáo và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm chung trong cộng đồng.

Hình phạt bổ sung: Xét mục đích phạm tội của bị cáo T, C là bán trái phép chất ma túy để trục lợi nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Bị cáo T1 tàng trữ ma túy để sử dụng không nhằm mục đích kiếm lời nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T1.

[6] Xử lý vật chứng:

Đối với số ma túy hoàn trả sau giám định cùng bao gói, 01 túi nilon màu trắng có kẹp nhựa viền màu đỏ là vật cấm tàng trữ, lưu hành và 01 cân tiểu ly điện tử là công cụ bị cáo sử dụng để bán ma túy cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 căn cước công dân số 035086002558 mang tên Trần Văn T; 01 căn cước công dân số 0350950002544 mang tên Hoàng Văn C là giấy tờ hợp pháp nên trả lại cho các bị cáo, nhưng cần giao cho Cơ quan thi hành án phạt tù có thẩm quyền tạm giữ và trả cho các bị cáo khi chấp hành xong hình phạt tù.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng thu giữ của Ngô Đức T1 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng thu giữ của Hoàng Văn C là công cụ các bị cáo liên lạc để mua bán ma túy nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ nhựa màu đen không có thẻ sim; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng thu giữ của Trần Văn T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng là tài sản hợp pháp của Trần Văn T không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án dân sự.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi thu giữ của chị Bùi Thị N là tài sản hợp pháp của chị N không liên quan đến hành vi phạm tội và tại phiên tòa chị N xin nhận lại nên cần trả lại tài sản này cho chị.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 36K5-344.37 quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Chí Đ. Anh Đ cho

anh Ngô Hồng S mượn xe để làm phương tiện đi lại, sau đó S cho T1 mượn xe. Anh S và anh Đ đều không biết T1 sử dụng xe để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại anh Đ chiếc xe trên là đúng quy định của pháp luật.

[7] Các tình tiết khác của vụ án:

Về nguồn gốc số ma túy đã thu giữ, Trần Văn T khai mua 20 viên ma túy ngựa với giá 1.000.000đ của một người đàn ông khoảng 45 tuổi (không rõ nhân thân, lai lịch) gặp ở khu vực cầu C thuộc tổ dân phố H, phường T, thành phố P ngày 16/7/2022. Sau đó T đã sử dụng 16 viên ma túy còn 04 viên ma túy bán cho Ngô Đức T1. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý đã phối hợp với Công an phường T, thành phố P tiến hành xác minh nhưng không xác định được người bán ma túy cho bị cáo T. Ngoài lời khai của T không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh nên không có căn cứ xử lý trong vụ án này.

Đối với Ngô Hồng S: quá trình điều tra ban đầu Ngô Đức T1 khai S nhắn tin bảo T1 đi mua ma túy về sử dụng, sau đó T1 thay đổi lời khai chỉ đi mua ma túy một mình. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý đã phối hợp với Công an phường L, thành phố P tiến hành xác minh, xác định Ngô Hồng S, sinh năm 1986 trú tại tổ 6, phường L, thành phố P. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý đã tiến hành khai thác dữ liệu điện thoại của T1 và làm việc với S xác định S có nhắn tin cho T1 nhờ mua hộ đồ ăn và nước uống mà không có nội dung liên quan đến ma túy. Ngoài lời khai ban đầu của T1 không có tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có căn cứ xử lý Ngô Hồng S trong vụ án này.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 251; các Điều 17, 35, 38, 47, 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; (điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo T) của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn T và Hoàng Văn C.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; các Điều 38, 47, 50; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngô Đức T1.

Căn cứ các Điều 106; 135; 136; 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố bị cáo Trần Văn T, Hoàng Văn C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo Ngô Đức T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2/ Xử phạt bị cáo:

Trần Văn T: 51 (năm mươi một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/7/2022.

Hoàng Văn C: 40 (bốn mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/7/2022

Ngô Đức T1: 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2022

3/ Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bổ sung đối bị cáo Trần Văn T, Hoàng Văn C mỗi bị cáo phải nộp 3.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

4/ Xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì niêm phong mặt trước ghi “mẫu vật hoàn trả QT01 và KX01”; số 364/KTHS và 01 cân tiểu ly điện tử vỏ màu đen.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng, số IMEI1: 86776003223559, số IMEI2: 867760032235542 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, số IMEI: 359210076911942.

Trả lại cho bị cáo Trần Văn T 01 căn cước công dân số 035086002558 mang tên Trần Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số IMEI1: 354205103142698, số IMEI2: 354205104142697, không có nắp đậy phía sau, không có thẻ sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng, số IMEI: 355690070942585; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, số IMEI: 353310076342159, song tạm giữ 03 điện thoại di động này để đảm bảo thi hành án.

Trả lại bị cáo Hoàng Văn C 01 căn cước công dân số 035095002544 mang tên Hoàng Văn C.

Giao căn cước công dân cho Cơ quan thi hành án phạt tù nơi bị cáo T và bị cáo C chấp hành án tạm giữ để trả lại các bị cáo sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

Trả lại chị Bùi Thị N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, số IMEI1: 865504063236124/00, số IMEI2: 865504063236132/00.

(Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 14/10/2022 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý).

5/ Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hà Nam;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

- CQ CSĐT CA TP Phủ Lý;
- CQ THAHS có thẩm quyền;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- Bị cáo;
- Người có QL, NVLQ đến vụ án;
- Lưu HSVA, VP.

Nguyễn Thị Mai Oanh